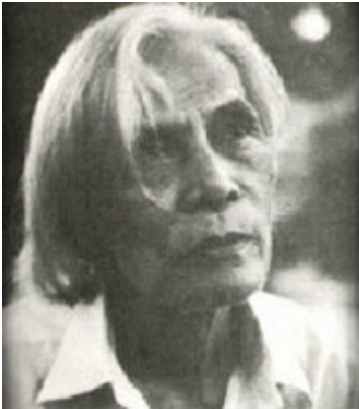


## Hoàng Cầm, những bài thơ quê hương tôi



**Nguyễn Mạnh Trinh**

Năm tôi sinh ra đời Hoàng Cầm viết bài thơ “Bên Kia sông Đuống”.

Mười năm sau, khi “Bài thơ sông Đuống” sắp được ghi vào trong chương trình Văn của các lớp phổ thông ở miền Bắc thì xảy ra vụ “Nhân Văn Giai Phẩm” và bài thơ bị xóa tên trong chương trình học nhưng không bị quên lãng. Nhưng nó vẫn còn được truyền tụng với những người yêu thơ đánh dấu một thời kỳ thi ca của lòng yêu nước...

Hai chục năm sau, “Bài thơ sông Đuống” lại được ghi vào chương trình học. Kể ra thì số phận của bài thơ và tác giả của nó cũng khá truân chuyên... Khi chính trị quyết định và chi phối tất cả thì văn chương chỉ là những yếu tố tùy thuộc nhỏ nhoi. Nhà thơ Bùi Tăng Việt đã lấy tên của vị thuốc đắng hoàng cầm làm bút hiệu của mình thì những hoạn nạn của cuộc đấu tố văn học xem ra không tránh khỏi.

Cuộc đời Hoàng Cầm hình như có rất nhiều dấu ấn từ nơi chôn nhau cắt rốn. Nhà phê bình Chu Văn Sơn đã có một ví von khá thú vị:

“... Cũng như, ai biết được, bài “Bên kia sông Đuống” lại chứa một điềm báo ngược. Mười năm trước, khi viết những câu “Em ơi buồn làm chi/ Anh đưa em về sông Đuống”, Hoàng Cầm không thể nghĩ, dù tiên cảm có thánh đến đâu, rằng chỉ sau đầy mười nm, qua một cơn số 8 giờ đầy, ông lại về sông Đuống. Dĩ nhiên, giờ thì ngược rồi Cũng là “về” nhưng không phải với khúc khải hoàn ca hội hè. Mà thui thủi, mà tức tưởi một trường hận ca cái “tôi” ở đó như kẻ bị trấn lột mất căn cước tinh thần đành trở về cội xưa tự làm căn cước cũ. Cũng bắt đầu từ cái “ngày khùng khiếp” với “ngọn lửa hung tàn” nhưng không phải do ngoại xâm phóng hỏa mà do nội tình truy bức... vì thế, cũng “bây giờ tan tác về đâu?” cũng “bây giờ đi đâu về đâu?” cũng những tan hoang rách xé nhưng không phải sau cơn bão tố mà sau cơn đấu tố. Cơn đấu tố đã hỏa thiêu cái thế giới Kinh Bắc của một tâm hồn bị tổn thương. Khiến tất cả không còn là cái thế giới tranh Đông Hồ nguyên dạng, trái lại đã bị thiêu hóa, bị hóa vàng thành một Đông Hồ trong cõi ảo sinh. Nếu “Bên kia sông Đuống” là một Kinh Bắc dương bản thì “Về Kinh Bắc” là miền sông Đuống âm bản, một thế giới nghệ thuật mắc chứng trầm uất...”

Với tôi, chợt nghĩ. Có một dòng sông, nhờ một bài thơ mà trở thành một biểu tượng của quê hương, mà mỗi khi nghe nhắc đến lại nao nao trong dạ. Sông Đuống của Hoàng Cầm, của một thời kháng chiến. Cũng là sông Đuống có làng Thanh Am tên tục là làng Đuống nghèo nàn ven bờ, quê nội của tôi. ...

Nói đến Hoàng Cầm, có nhiều bài nổi tiếng. Có người thích và cho rằng tiêu biểu nhất là bài thơ “Đêm Liên Hoan”, một thi khúc hùng tráng của một thời kháng chiến. Hay, bài thơ “Tiếng Hát Quan Họ” cũng là tiếng thơ của vùng Kinh Bắc, cái nôi văn hóa của dân tộc Việt Nam. Hay bài thơ “Cây tam cú” của những tình ca, trong sáng ngây thơ, của nỗi tình sớm phát tiết. Cũng như về sau này, với “Lá Diêu Bông”, một bài thơ trở thành nguồn cội cho nhiều ca khúc của những bản nhạc làm rung động lòng người.

Riêng với tôi, mỗi lần đọc bài thơ trên, tôi lại nghĩ về quê hương tôi lúc tôi rời bỏ khi vừa ở tuổi vừa biết cắp sách đến trường. Tôi sinh ra ở Hà Nội nhưng quê nội tôi là một làng nhỏ ven bờ sông Đuống và những hình ảnh của nó chỉ là những ký ức lảng đãng trong tiềm thức. Tôi thường hay nghe cha mẹ tôi nhắc đến ngôi nhà thờ có bậc thềm cao đầy những hoành phi câu đối của một thời hưng vượng. Những cây nhãn, cây bưởi mà tuổi tác cũng ngang với những đứa trẻ trong họ, bây giờ đã sống tán lạc ra mấy phương trời. Những vuông sân gạch menh mông, thuở nào bước chân trẻ thơ lẫm chẫm. Rặng tường hoa dọc theo bờ ao, những mảnh sứ cẩn lóng lánh màu nắng. Bờ ao với cây khế mọc là đà mặt nước, với những bẹ rau muống, rau rút xanh tươi, là ao cá đầy cá mỗi khi tát ao vào dịp tết. Hai cổng gạch và cánh cửa sắt như tượng trưng cho oai phong của dòng tộc, bây giờ có còn hiện hữu...

Ơi, những liên tưởng để nhớ lại và gửi về.... Đọc những câu thơ, sao mà rưng rưng cảm động :

“Em ơi, buồn mà chi  
Anh đưa em về sông Đuống  
Ngày xưa cát trắng phẳng lì  
Sông Đuống trôi đi  
Một dòng lấp lánh  
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ  
Xanh xanh bãi mía bờ lau  
Ngô khoai biêng biếc  
Đứng bên sông sao nhớ tiếc  
Sao xót xa như rụng bàn tay.  
..... Bao giờ về bên kia sông Đuống  
Anh lại tìm Em  
Em mặc yếm thắm  
Em thắt lụa hồng  
Em đi cấy hội non sông  
Cười mê ánh sáng.. muôn lòng xuân xanh.”

Hoàng Cầm viết bài thơ vào đúng năm tôi sinh ra đời khi khói lửa chiến tranh, khi gia đình tôi phải chạy loạn, mẹ tôi bồng tôi trên tay và anh tôi ngồi ở một đầu của quang gánh mang theo gia tài hòm xiềng của gia đình. Tới bây giờ đã hơn nửa thế kỷ, biết bao nhiêu là biến động diễn ra trên quê hương đất nước tôi. Và ngôi

làng nhỏ, nơi chôn nhau cắt rốn của tôi chắc cũng phải chịu nhiều tang thương biến đổi. Dòng sông thuở nào bây giờ có còn bãi mía bờ lau, hay tất cả đã bồi lở theo từng năm tháng. Những con cháu trong dòng họ tôi, bây giờ trôi nổi sống ở những lục địa khác nhau, không biết có còn giây phút nào, ngóng về quê cũ để bồi hồi sống lại những mảnh đời đã trôi vụt qua nhanh vào quá vãng. Theo truyền tụng thì tên làng Thanh Am là chữ do cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đặt ra và mang danh tự ấy mãi đến tận sau này. Ở cánh đồng làng có cây đa cổ thụ thật lớn mà người làng cho rằng là của cụ tổ trồng ra và chính là hình ảnh rõ nhất của làng mỗi khi trở về. Làng ít ruộng đất, và ít ai theo nghề buôn bán nên dân tình cũng không giàu có so với những làng như làng Phù Lưu, cũng ở vùng Kinh Bắc, quê ngoại của tôi...

Riêng tôi, có lẽ, nhờ những câu thơ trong tâm não, để một thời sống lại. Đọc thơ Hoàng Cầm, thấy dậy lên một niềm tự hào âm thầm. Quê cha đất tổ tôi, những địa danh được nhắc đến trong văn học có phải là chút hãnh diện của người bị lưu lạc tha hương từ lúc còn trẻ dại?

Nhưng, đời sống của thi sĩ Hoàng Cầm thì buồn lắm và đầy bất hạnh. Tham gia kháng chiến sau 1945, góp nhiều công sức nên khi trở về Hà Nội được tin cậy và giữ chức vụ Trưởng Đoàn Văn Công của Tổng Cục Chính Trị Quân Đội Nhân Dân. Thế mà vì tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị cách tuột chức tước, tù tội, nghèo đói cho đến tận cuối đời.

Hoàng Cầm bị kiểm thảo, bị làm nhục, bị o ép theo dõi, có lúc ông tưởng rằng không thể nào chịu đựng những bất hạnh quá mức như thế. Trong một bức thư gửi cho con gái là Kiều Loan con người vợ trước đang sinh sống ở San José "... Đến khi chị Yến của con chết thì người bố hoàn toàn sụp đổ, hàng tháng sau vẫn chỉ là cái xác vật vờ, lờ lững mà thôi...". Bị tù giam vì chuyển bản thảo tập thơ "Kinh Bắc" cho Nguyễn Mạnh Hùng mang ra ngoại quốc in, rồi bị tịch thu sách vở bản thảo, rồi hai người thân nhất là vợ và con gái từ trần trong thời gian ngắn, rồi khi được thả thì bị công an làm nhục, mang hình ảnh tên tuổi bêu riếu ngoài phường phố. Tất cả những biến động ấy đã biến ông thành một người phần chí, lảm cẩm. Mấy chục năm trong thời Cộng Sản, thân phận của một thi sĩ thật đoạn trường.

Đến nỗi nhà thơ Phùng Quán khi đến thăm đã viết bài thơ trên giấy xi-măng bằng than củi để an ủi người bạn mà cũng là người anh đáng thương :

"Tôi tin núi tàn!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin:  
Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp  
Tôi tin, nhà thơ anh đã viết  
Cách đây ba mươi năm  
Những vần thơ lảm liệt!  
Tiểu đội anh, những ai còn và ai mất?"

Không ai còn ai mất  
Chỉ chết cả mà thôi!  
Người sau kẻ trước lao vào giặc,  
Giữ vững ngàn thu một giống nòi  
Thế gian có một ngàn con sông  
Và một ngàn nhà thơ lớn  
Nhưng chỉ có một dòng  
May được thơ xưng tụng  
Nhờ đó mà vang vọng  
Nhờ thơ mà vinh danh  
Đó là con sông Đuống  
Con sông của quê anh  
Mà anh xót xa như bàn tay anh ngón rưng  
Tôi có một niềm tin  
Chắc như đanh đóng cột  
Ngày mai anh nhắm mắt.  
Đi sau linh cữu anh,  
Ngoài bạn hữu gia đình,  
Có cả con sông Đuống  
Sông Đuống sẽ mặc đại tang  
Khóc bên bồi bên lở,  
Sóng cuộn bờ nước nở,  
Ngàn đời chịu tang anh  
Tôi tin núi tàn!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin  
Một nhà thơ như anh  
Lại ngã lòng suy sụp.”

Thơ quá hay và cảm động bởi một tấm lòng biểu lộ. "Ngày mai anh nhắm mắt/ đi sau linh cữu anh/ ngoài bạn hữu gia đình/ có cả con sông Đuống/ sông Đuống sẽ mặc đại tang/ khóc bên bồi bên lở/ sóng cuộn bờ nước nở / ngàn đời chịu tang anh..." Phùng Quán với những bài thơ, câu văn viết cho những người cùng hoạn nạn cho chúng ta cái tâm vùi vọt của kẻ sĩ. Trong hoàn cảnh ấy, cuối đường của khốn cùng. Chỉ còn văn chương, để làm cây gậy chống và đứng dậy. Phải rồi, chính người thơ ấy đã viết những vần lăm liệt của "Đêm Liên Hoan", ngôn ngữ dậy lửa của đòi hỏi hy sinh xương máu. Phải rồi, chính người thơ ấy đã viết cho dòng sông quê hương những hình ảnh thần kỳ của tấm lòng tha thiết. Phải rồi, chính người thơ ấy đã mang những ẩn dụ vào thi ca để bày tỏ nỗi niềm của "Lá Diêu Bông". Thơ và đời, sao trái ngược, thi ca sang cả, hạnh phúc, hào hùng trong khi đời thường nghèo đói bất hạnh phủ vây.

Xuân Sách, cũng những ngậm ngùi, những phác họa một chân dung thi sĩ nhiều sóng gió :

"Em ơi buồn làm chi

-Em không buồn sao được!  
Quan họ đã vào hợp tác  
Đồng Hồ gà lợn nuôi chung  
Bên Kia Sông Đuống em trông  
Tìm đâu thấy Lá Diêu Bông hỡi chàng !”

Em ơi buồn làm chi! Câu thơ của một thuở nào “Bên Kia Sông Đuống” bây giờ Xuân Sách nhắc lại như một chút cay đắng cũ càng. Tất cả thay đổi rồi, người thi sĩ mất đi vị trí thời trước. Văn nghệ đã bị mặc chung bộ đồng phục, tranh gà lợn không còn nét trong sáng tự riêng. Và Lá Diêu Bông cũng là những gì không thực, mà người thơ cứ tha thẩn kiếm tìm mãi mãi mà không thấy. Xuân Sách nhắc đến Tiếng Hát Quan Họ với những câu thơ của Hoàng Cầm như”

“.. Suốt tháng giêng mưa xuân trắng ngõ  
Những người gái thôn Dương Ổ  
Đập sợi thâu đêm  
Khi nắng lên se chỉ trắng ngoài thềm  
Khi giăng lên đưa con thoi dệt vải  
Tiếng hát chập chùng, mái tranh phủ khói  
Chị em hẹn nhau ngày hội sang năm...”

Một thời nào xưa lắm, có phải? Thuở thanh bình với phong tục dân gian đáng yêu, bây giờ có còn? Hay, tất cả, trôi theo dòng thời thế, để vỡ vụn, nát tan? Trong thế giới thi ca của Hoàng Cầm, từ cảnh tới người, từ ý tới lời, đều có nét vờn của bằng lăng, của bằng bạc đời sống. Cái hồi nhớ đôi khi là cảm giác thực, cái liên tưởng đôi khi là giây phút sống nhất. Với cuộc đời, thơ là nét mơ hồ, là lẫn lộn thực mộng, là những cơn mơ, dịu dàng, nhưng triền miên để thành nỗi đau nỗi nhớ, Thơ, tuy tiếp cận, tuy gần gũi nhưng vẫn có một cái gì làm khoảng cách, như đôi mắt hay nhìn ra xa để lảng tránh cái nỗi buồn gần...

Một bài thơ, mà nhiều nhạc sĩ đã tạo thành những ca khúc để đời: Trần Tiến, Phạm Duy, Lê Yên, Ngọc Thanh.” Lá Diêu Bông”:

“Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng  
Chị thẫn thờ đi tìm  
Đồng chiều  
Cuống rạ...  
Chị bảo  
Đưa nào tìm được lá Diêu Bông  
Từ nay ta gọi làm chồng.  
Hai ngày  
Em tìm thấy lá  
Chị lắc đầu  
Đâu phải lá Diêu Bông  
Mùa đông sau  
Em tìm thấy lá

Chị châu mày  
Trông nắng vãn ven sông  
Ngày cưới chị  
Em tìm thấy lá  
Chị cười  
Xe chỉ ẩm tròn kim  
Chị ba con  
Em tìm thấy lá  
Xòe tay phủ mặt  
Chị không nhìn  
Từ thuở ấy...  
Em cầm chiếc lá  
Đi đầu non cuối bể  
Gió quê vi vút gọi  
Diêu bông hời...  
...Ơi Diêu Bông...!"

Bài thơ như một câu chuyện không đoạn kết. Ở mỗi chủ quan người đọc, nảy ra những suy tưởng khác nhau. Trường hợp các nhạc sĩ là thí dụ. Mỗi người khai triển bài thơ theo suy cảm riêng. Chính cái bằng lặng của những câu hỏi cho một vấn nạn mờ ảo tạo thành sự giằng trải rộng khắp cho một không gian thi ca. Lá Diêu bông, rõ ràng là một ẩn dụ ! Đi tìm nó, có phải là một công trình vô vọng? Hay, chính là hình tượng của niềm hy vọng vào cái thẩm mỹ quan của sự toàn bích? “Gió quê vi vút gọi... Diêu Bông hời... Ơi Diêu bông” có phải là tiếng gọi của một hồn thơ luôn luôn bị bủa vây trong dây xích buộc trói của chữ nghĩa?

**Nguyễn Mạnh Trinh**